

Số: 5618/2015/QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; Nghị định số 09/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Liên ngành: Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1099/TTrLN-STC-SKHCN ngày 16/12/2015 về việc đề nghị ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Văn bản số 2325/STP-XDVB ngày 15/12/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

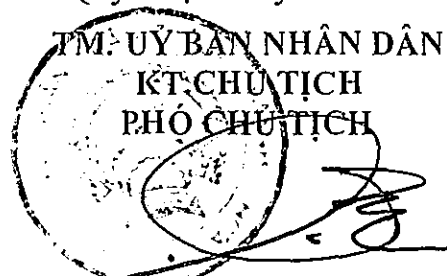
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 và thay thế Quyết định số 4081/2007/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- T. Trục Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Pg NN.



Nguyễn Đức Quyền

QUY ĐỊNH

Về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5648/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy định này quy định cụ thể về: Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý KH&CN của cơ quan có thẩm quyền.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Quy định này cũng được áp dụng trong việc xây dựng dự toán, thẩm định, quyết toán và quản lý phần kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh trong các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp quốc gia.

4. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo Mục II, Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Quyết định 204/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh ban hành “Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bằng 80% định mức tối đa quy định tại thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN căn cứ vào tính chất và nội dung nhiệm vụ KH&CN và nguồn kinh phí được bố trí để quyết định mức chi cho phù hợp và không được vượt quá định mức quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- a) Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- c) Thành viên;
- d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên) phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt đảm bảo theo đúng các quy định của nhà nước.

3. Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 5, Quy định này.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh quy định tại Điều 3 Quy định này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

- Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

- Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

- Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

- Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 5. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp.

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự

toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại điểm a, khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$$

Trong đó:

T_c : Dự toán tiền công của chức danh.

L_{cs} : Lương cơ sở do Nhà nước quy định.

H_{stcn} : Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây.

S_{nc} : Số ngày công của từng chức danh.

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (H_{cd})	Hệ số lao động khoa học (H_{kh})	Hệ số tiền công theo ngày $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh})/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,0	0,63
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	1,6	0,39
3	Thành viên	3,66	1,2	0,20
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,0	0,13

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với tất cả các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 3 Quy định này.

d) Trường hợp không thể xác định được chính xác ngày công để thực hiện các nội dung tại điểm a, khoản 1 Điều này thì áp dụng định mức khoản như sau:

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Đơn vị tính	Số ngày công (S_{nc}) tối đa	
				Đề tài, dự án có thời gian thực hiện từ 12 tháng trở xuống	Đề tài, dự án có thời gian thực hiện trên 12 tháng
1	Nghiên cứu tổng quan	Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được	Đề tài, dự án	10	12

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Đơn vị tính	Số ngày công (S_{nc}) tối đa	
				Đề tài, dự án có thời gian thực hiện từ 12 tháng trở xuống	Đề tài, dự án có thời gian thực hiện trên 12 tháng
		phê duyệt			
		Báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Đề tài, dự án	15	18
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Đề tài, dự án	40	50
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo	20	25
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo	40	50
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ	Báo cáo	60	90
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Đề tài, dự án	40	50
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Đề tài, dự án	50	65

Khi tính tiền công lao động theo quy định tại điểm này thì áp dụng Hệ số tiền công theo ngày (H_{stcn}) là 0,33.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 32.000.000 đồng/người/tháng (tháng làm việc tính trên cơ sở 22 ngày làm việc).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

c) Trong trường hợp đặc biệt cần phải thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước vượt định mức trên thì Sở KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của UBND tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước; chế độ chi tiêu tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, mức chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau:

- Người chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi hội thảo.

- Thu ký hội thảo: 400.000 đồng/buổi hội thảo.
- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.600.000 đồng/báo cáo.
- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 800.000 đồng/báo cáo.
- Thành viên tham gia hội thảo, phục vụ hội thảo: 160.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

7. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh nhiệm vụ KH&CN.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 160 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn:

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn KH&CN

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có);

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;

b) Chi họp hội đồng đánh giá giữa kỳ.

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN (nghiên cứu tài liệu, xây dựng báo cáo tổng hợp, xây dựng báo cáo chuyên đề, xây dựng báo cáo thống kê, báo cáo đánh giá kết quả nhiệm vụ KH&CN ...)

Điều 7. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

a) Chi tiền công:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 đồng)
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		800
	Thành viên Hội đồng		640
	Thư ký hành chính		240
	Đại biểu được mời tham dự, phục vụ		160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		240
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1200
	Thành viên Hội đồng		800
	Thư ký hành chính		240
	Đại biểu được mời tham dự, phục vụ		160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 đồng)
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	400
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240
	Đại biểu được mời tham dự, phục vụ	Nhiệm vụ	160
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		1200
	Thành viên Hội đồng		800
	Thư ký hành chính		240
	Đại biểu được mời tham dự, phục vụ		160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN, hoặc xét thấy cần thiết thì Sở KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do Giám đốc Sở KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu.

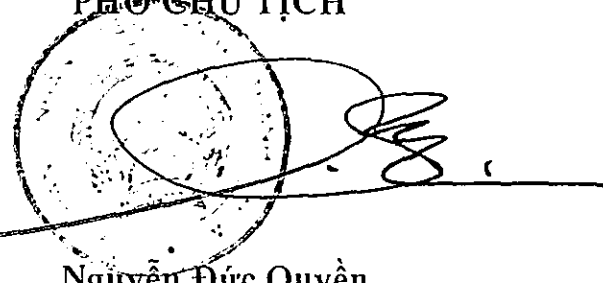
Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

A circular official seal is partially visible, overlapping with a handwritten signature in black ink. The signature is written over a horizontal line.

Nguyễn Đức Quyền